

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 -7-2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thành và ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Quốc D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Chị Cái Thị Ch, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt (lần thứ hai tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30/3/2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Huỳnh Quốc D trình bày như sau: Nguyên đơn và chị Cái Thị Ch có sự tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 29/12/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống có hạnh phúc được khoảng 04 năm, đến cuối năm 2007 thì anh D bỏ đi vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, chị

Ch không tôn trọng mẹ anh D. Nay anh D xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Cái Thị Ch nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh Huỳnh Quốc D trình bày vợ chồng có 02 người con chung tên là Huỳnh Thị Kim Th, sinh ngày 24/11/2004; Huỳnh Quốc S, sinh ngày 10/3/2006. Anh D yêu cầu giao cả 02 người con chung Huỳnh Thị Kim Th, Huỳnh Quốc S cho chị Cái Thị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 người con/1 tháng, cho đến khi 02 người con chung đủ 18 tuổi. Ngoài ra, anh D có một người con riêng là Huỳnh Quốc T, sinh ngày 20/10/1994, đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Quốc D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, anh Huỳnh Quốc D đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân Huỳnh Quốc D; bản sao sổ hộ khẩu chủ hộ Huỳnh Quốc D; bản sao giấy khai sinh các con chung Huỳnh Thị Kim Th, Huỳnh Quốc S; đơn xin xác nhận hộ khẩu.

Ý kiến trình bày của bị đơn chị Cái Thị Ch: Về quan hệ hôn nhân, chị Ch đồng ý như ý kiến của nguyên đơn anh Huỳnh Quốc D đã trình bày. Chị Ch và anh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 29/12/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm, đến cuối năm 2007 thì anh D bỏ vào tỉnh Đắk Lắk cho đến nay. Nguyên nhân anh D bỏ đi theo chị Ch trình bày là do anh D có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng chị Ch, anh D sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình nội ngoại đã nhiều lần khuyên can, hòa giải nhưng anh D vẫn không thay đổi để đoàn tụ gia đình mà vẫn sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk. Nay anh D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Ch thì chị Ch không đồng ý ly hôn, vì chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Chị Cái Thị Ch đồng ý như anh Huỳnh Quốc D trình bày, vợ chồng có 02 người con chung tên là Huỳnh Thị Kim Th, sinh ngày 24/11/2004; Huỳnh Quốc S, sinh ngày 10/3/2006. Hiện nay, cả 02 người con chung đang sống với chị Ch. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì chị Ch đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung Huỳnh Thị Kim Th và Huỳnh Quốc S cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Ch cũng đồng ý việc anh Huỳnh Quốc D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 người con/ 1 tháng cho đến khi trưởng thành. Đối với anh Huỳnh Quốc T, sinh ngày 20/10/1994 là con riêng của anh Huỳnh Quốc D đã lập gia đình, thì chị Ch không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung, nợ chung thì chị Cái Thị Ch thừa nhận đúng như anh Huỳnh Quốc D đã trình bày và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể

từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn anh Huỳnh Quốc D chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn chị Cái Thị Ch cơ bản chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Quốc D và chị Cái Thị Ch kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, việc kết hôn là hợp pháp. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, anh D đã bỏ vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống từ cuối năm 2007; vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn giữa anh D và chị Ch là trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được.

Về con chung, anh D và chị Ch có 02 người con chung tên là Huỳnh Thị Kim Th, sinh ngày 24/11/2004; Huỳnh Quốc S, sinh ngày 10/3/2006. Anh D và chị Ch đều thống nhất việc giao 02 người con chung cho chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 người con/ 1 tháng. Nguyên vọng của 02 người con chung đều mong muốn tiếp tục sống với chị Ch.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Quốc D. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 người con chung tên là Huỳnh Thị Kim Th, sinh ngày 24/11/2004; Huỳnh Quốc S, sinh ngày 10/3/2006 cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 người con/1 tháng. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải

quyết. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là chị Cái Thị Ch đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nói trên và đều có mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20 tháng 7 năm 2018, chị Cái Thị Ch vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho chị Ch; tại phiên tòa hôm nay chị Ch vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Quốc D và chị Cái Thị Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 29/12/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị Ch là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa anh D và chị Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa anh D và chị Ch đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau. Anh D đã bỏ đi vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống từ cuối năm 2007 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Quá trình Tòa án hòa giải thì anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ý kiến của chị Ch không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh D và chị Ch không liên lạc với nhau, không tìm những giải pháp để hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng; gia đình nội ngoại hai bên đã hòa giải nhưng không khắc phục được. Xét thấy, anh D và chị Ch đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Quốc D, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của chị Cái Thị Ch.

[2] Về con chung: Anh Huỳnh Quốc D và chị Cái Thị Ch đều trình bày vợ chồng có 02 người con chung tên là Huỳnh Thị Kim Th, sinh ngày 24/11/2004; Huỳnh Quốc S, sinh ngày 10/3/2006. Đối với anh Huỳnh Quốc T, sinh ngày 20/10/1994 là con riêng của anh Huỳnh Quốc D, đã có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của anh Huỳnh Quốc D và chị Cái Thị Ch về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện; phù hợp với nguyện vọng của 02 người con chung Huỳnh Thị Kim Th, Huỳnh Quốc S; cả 02 người con đang sống với chị Ch. Hội

đồng xét xử thấy cần giao 02 người con chung Huỳnh Thị Kim Th, Huỳnh Quốc S cho chị Cái Thị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và anh Huỳnh Quốc D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ 1 người con/1 tháng, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Quốc D và chị Cái Thị Ch không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Quốc D. Anh Huỳnh Quốc D được ly hôn chị Cái Thị Ch.

2. Về việc nuôi con:

Giao những người con chung gồm Huỳnh Thị Kim Th, sinh ngày 24/11/2004; Huỳnh Quốc S, sinh ngày 10/3/2006 cho chị Cái Thị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Huỳnh Quốc D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 người con/1 tháng, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Huỳnh Quốc D có quyền, nghĩa vụ vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Quốc D và chị Cái Thị Ch không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiêu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Huỳnh Quốc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001701, ngày 02/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh D còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT- Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đường sự;
- UBND thị trấn P,
- huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN NGỌC TÚ